

Bản án số: 45/2024/HS-ST
Ngày: 21 - 8 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH GIANG - TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nhữ Văn Vinh và bà Vũ Thị Lan

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Hiếu – Thư ký viên TAND huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Quế – Kiểm sát viên.

- Người tiến hành tố tụng tại điểm cầu thành phần:

1. Ông Phạm Đức C – Thẩm phán;

2. Bà Nguyễn Thu N – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2024, tại điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Giang và điểm cầu thành phần Nhà tạm giữ Công an huyện B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 37/2024/TLST-HS ngày 08 tháng 7 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2024/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 8 năm 2024 đối với các bị cáo:

1/ Vũ Đình T - Sinh năm 1997.

Nơi sinh: Xã B, huyện B, tỉnh Hải Dương.

Nơi cư trú: Thôn D, xã B, huyện B, tỉnh H.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12.

Con bà Vũ Thị B - đã chết; Không xác định được bố đẻ. Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ hai.

Tiền án; Tiền sự: Không.

Tạm giữ: Từ ngày 05/4/2024 đến ngày 11/4/2024.

Tạm giam: Từ ngày 11/4/2024 đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh H.
Bị cáo có mặt tại điểm cầu thành phần.

2/ Đoàn Văn T1 - Sinh năm 1985.

Nơi sinh: Xã Y, huyện G, tỉnh Hải Dương.

Nơi cư trú: Thôn H, xã Y, huyện G, tỉnh Hải Dương.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 11/12.

Con ông Đoàn Văn B1 - đã chết (Năm 1975 và 1986, ông B1 được Nhà nước tặng thưởng Huân chương chiến sĩ giải phóng hạng nhì và Huân chương kháng chiến hạng ba) và con bà Vũ Thị N1 - đã chết. Gia đình có 02 chị em, bị cáo là con thứ hai.

Có vợ là chị Hà Thị N2 - sinh năm 1987; Bị cáo có hai con, lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh năm 2011.

Tiền sự: Không.

Tiền án: Bản án số 40/2016/HS-ST ngày 16/12/2016, TAND huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương xử phạt 7 năm 6 tháng tù về tội Cướp tài sản. Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 20/11/2022.

Nhân thân: Ngày 24/4/2008, Công an huyện G, tỉnh Hải Dương xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền về hành vi đánh bạc.

- Ngày 02/12/2009, Công an huyện G xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền về hành vi đánh bạc.

- Ngày 20/10/2010, Công an huyện G xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền về hành vi đánh bạc.

- Ngày 25/6/2013, Công an tỉnh H xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

- Ngày 06/02/2023, Công an xã Y, huyện G xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền về hành vi đánh bạc. Ngày 10/02/2023, Trưởng chấp hành xong quyết định.

Tạm giữ: Từ ngày 05/4/2024 đến ngày 11/4/2024.

Tạm giam: Từ ngày 11/4/2024 đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh H.
Bị cáo có mặt tại điểm cầu thành phần.

*** Tại điểm cầu trung tâm:**

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Anh Đoàn Ngọc L, sinh năm 2002 (*Vắng mặt*).

Địa chỉ: Thôn Q, xã B, huyện B, tỉnh Hải Dương.

- Người chứng kiến:

+ Chị Nguyễn Thị Ngọc A, sinh năm 2003 (*Vắng mặt*).

+ Chị Nguyễn Hồng Q, sinh ngày 20/02/2006 (*Vắng mặt*).

*** Người tham gia tố tụng khác tại điểm cầu thành phần:**

1. Ông Vũ Đức D - Cán bộ Nhà tạm giữ Công an huyện B;

2. Ông Đỗ Danh H - Cán bộ Nhà tạm giữ Công an huyện B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vũ Đình T là chủ quán K có địa chỉ tại thôn B, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương và có mối quan hệ quen biết với Đoàn Văn T1 từ khoảng giữa năm 2023. T1 nói cho T biết việc T1 có bán ma túy, ai có nhu cầu mua thì liên hệ với T1.

Sáng ngày 01/4/2024, T sử dụng điện thoại nhãn hiệu Iphone XS lắp sim số 0854.281.555 và số 0799.206.001 gọi cho T1. T1 sử dụng điện thoại nhãn hiệu Iphone 11 Pro lắp sim số 0975.364.844. T hỏi mua 1 chỉ ma túy loại ke, T1 đồng ý và báo giá 1.000.000đ. Khoảng 20 giờ cùng ngày, T1 đi bộ từ nhà ra đường trục xã thuê xe ôm của người không quen biết đến khu vực xã P, huyện A, tỉnh Hưng Yên gặp và mua của nam thanh niên không quen biết 1 túi ma túy loại ke với số tiền 800.000đ, T1 cất giấu trong người rồi đi xe ôm về quán của T. Khoảng 22 giờ cùng ngày, khi đi đến khu vực trước cửa quán K, T1 gọi điện thoại cho T ra ngoài cửa lấy ma túy. Tại đây, T1 đưa cho T 1 túi ma túy loại ke vừa mua được tại huyện A, T bảo T1 cho nợ tiền trả sau, T1 đồng ý đi về nhà. T cầm túi ma túy quay vào trong quán cất giấu tại ô thoáng trong nhà vệ sinh tầng 1, mục đích để khách đến hát có nhu cầu sử dụng thì bán kiếm lời.

Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 04/4/2024, trong lúc T đang ở quán thì Đoàn Ngọc L gọi điện thoại cho T đặt phòng hát, đồng thời bảo T chuẩn bị cho L 1 chỉ ke - ý L bảo T đặt phòng hát và bán cho 1 chỉ ma túy loại ke để L sử dụng tại phòng hát, T đồng ý. Khoảng 11 giờ 30 phút cùng ngày, L thuê xe taxi (không xác định được hãng xe, BKS và người lái) đi cùng chị Nguyễn Thị Ngọc A và chị Nguyễn Hồng Q đến. Tráng bố trí cho L vào phòng Vip 4 để hát. Q và Ngọc A đi lên phòng hát trước còn L gặp T bảo bán cho 1 chỉ ma túy để sử dụng, T báo giá 1.300.000đ và yêu cầu L chuyển khoản trước. L chuyển khoản số tiền

2.000.000đ từ tài khoản số 1023020622 tại Ngân hàng TMCP N3 của L đến số tài khoản 1017859896 tại Ngân hàng TMCP N3 của T và đưa thêm 500.000đ tiền mặt (trong đó 1.300.000đ tiền mua ma túy và 1.200.000đ trả tiền phòng hát trước). Sau khi nhận được tiền, T đi vào nhà vệ sinh tầng 1 của quán lấy 1 chỉ ma túy ke đã mua của T1 trước đó và đổ lên đĩa sứ, sau đó dùng thẻ nhựa miết cho ma túy ke mịn ra (xào ke) rồi đưa cho L sử dụng, còn vỏ túi nilon đựng ma túy T vứt vào bồn cầu xả nước. L cầm đĩa ma túy lên phòng Vip 4 rồi tự cuốn ống hút bằng tờ tiền Polymer mệnh giá 10.000đ của L và sử dụng một mình hết số ma túy đã mua của T. L để đĩa sứ, thẻ nhựa, ống hút ở dưới gầm tủ đựng A1 rồi ngồi uống bia, hát cùng Q và Ngọc A. Hồi 12 giờ 10 phút cùng ngày, Công an huyện B phối hợp với Công an xã T tiến hành kiểm tra, thu giữ tại gầm Amply 1 đĩa sứ, 1 ống hút được quấn bằng tờ tiền Polymer mệnh giá 10.000đ, 1 thẻ nhựa đều có bám dính chất tinh thể màu trắng, L khai nhận đó là dụng cụ vừa sử dụng ma túy mua của T.

Khám xét khẩn cấp chỗ ở của Vũ Đình T, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B không thu giữ đồ vật, tài liệu gì. Khám xét khẩn cấp chỗ ở của Đoàn Văn T1, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B thu giữ các vỏ túi nilon KT (4 X 6)cm được đựng trong túi nilon KT (30 X 21)cm, các vỏ túi nilon KT (9,5 X 15)cm được đựng trong túi nilon KT (20 X 30)cm, 1 cân điện tử nhãn hiệu DIGITAL SCALE trên bề mặt có bám dính chất tinh thể.

Ngày 04/4/2024, T và T1 đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội của mình, T tự nguyện giao nộp điện thoại Iphone Xs lắp 2 sim số 0854.281.555 và 0799.206.001, Trương tự nguyện giao nộp điện thoại Iphone 11 Pro lắp sim số 0975.364.844.

Kết quả xét nghiệm phát hiện ma túy trong nước tiểu do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B lập ngày 04/4/2024 xác định: L dương tính với ma túy loại Ketamine; T, Ngọc A, Q âm tính với ma túy. Phiếu trả lời kết quả xác định tình trạng nghiện ma túy của Trung tâm y tế huyện B xác định L không phải là người nghiện ma túy.

Kết luận giám định số 203/KL-KTHS ngày 07/4/2024 và số 206/KL-KTHS ngày 09/4/2024 của Phòng K1 Công an tỉnh H kết luận: Chất tinh thể màu trắng bám dính trên tờ tiền mệnh giá 10.000đ, trên thẻ nhựa, trên đĩa sứ thu giữ trong phòng hát Vip 4 của Đoàn Ngọc L; chất tinh thể bám dính trên mặt cân điện tử thu giữ tại nhà T1 gửi đến giám định là ma túy loại Ketamine, lượng mẫu bám dính rất nhỏ không xác định được khối lượng. Ketamine - STT 40,

Danh mục III, Nghị định số 57/2022/NĐ-CP ngày 25/8/2022 của Chính phủ.

Vật chứng của vụ án: Số tiền 510.000đ; 1 đĩa sứ, 1 thẻ nhựa cùng toàn bộ vỏ bao gói mẫu được đựng trong niêm phong số 203/KL-KTHS; 1 cân điện tử và 01 vỏ phong bì trong niêm phong số 206/KL-KTHS; các vỏ túi nilon đựng niêm phong trong thùng bìa carton; 2 điện thoại quản lý của T và T1, hiện Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B đã chuyển đến Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Giang quản lý trong giai đoạn xét xử và thi hành án.

Tại bản cáo trạng số 39/CT-VKS ngày 04/7/2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương truy tố bị cáo Vũ Đình T về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 251 BLHS và tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 255 BLHS. Truy tố bị cáo Đoàn Văn T1 về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 251 BLHS.

Tại phiên tòa, các bị cáo Vũ Đình T và Đoàn Văn T1 thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình và xác định Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang truy tố bị cáo về các tội danh và điều luật như cáo trạng đã nêu là có căn cứ.

Tranh luận tại phiên tòa, Kiểm sát viên thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử tại phiên tòa trình bày quan điểm giữ nguyên nội dung cáo trạng đã truy tố. Trên cơ sở phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, hậu quả, điều kiện, nguyên nhân phạm tội, nhân thân của các bị cáo. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Vũ Đình T phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”; bị cáo Đoàn Văn T1 phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

- Về hình phạt:

- + Áp dụng khoản 1 Điều 251; khoản 1, khoản 5 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; điểm a khoản 1 Điều 55 BLHS đối với bị cáo Vũ Đình T, đề nghị:

Xử phạt bị cáo Vũ Đình T 30 tháng đến 36 tháng tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và 27 tháng đến 30 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt bị cáo T phải chấp hành hình phạt chung của hai tội từ 57 tháng đến 66 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 05/4/2024.

Về hình phạt bổ sung: Đề nghị phạt tiền bị cáo Vũ Đình T từ 50.000.000đ đến 60.000.000đ sung quỹ nhà nước.

+ Áp dụng khoản 1, khoản 5 Điều 251; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 BLHS đối với bị cáo Đoàn Văn T1, đề nghị:

Xử phạt bị cáo Đoàn Văn T1 32 tháng đến 35 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, thời hạn tù tính từ ngày 05/4/2024.

Về hình phạt bổ sung: Đề nghị phạt tiền bị cáo Đoàn Văn T1 từ 5.000.000đ đến 10.000.000đ sung quỹ nhà nước.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 46; điểm a, b, c khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a, b, c khoản 2 Điều 106 BLTTHS, đề nghị:

- Tịch thu, sung vào ngân sách nhà nước 01 tờ tiền 10.000đ
- Tịch thu, sung vào ngân sách nhà nước số tiền 1.300.000đ và truy thu, sung vào ngân sách nhà nước số tiền 1.000.000 của bị cáo Vũ Đình T.
- Tịch thu, phát mại, sung vào ngân sách nhà nước 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro thu của Đoàn V và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Xs thu của Vũ Đình T.
- Tịch thu, tiêu hủy 01 đĩa sừ, 01 thẻ nhựa và 01 vỏ túi nilon màu trắng niêm phong mẫu vật gửi đến giám định được niêm phong trong 01 túi giấy niêm phong số 203/KL-KTHS; 01 cân điện tử nhãn hiệu DIGITAL SCALE, 01 phong bì ký hiệu M1 niêm phong mẫu vật gửi đến giám định được niêm phong trong 01 bì niêm phong số 206/KL-KTHS; 01 thùng bìa catton bên trong có chứa các vỏ túi nilon co kích thước khác nhau và 03 chiếc sim điện thoại.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật TTHS, Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội, buộc các bị cáo, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định.

Tại lời nói sau cùng, các bị cáo thể hiện thái độ ăn năn hối cải và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B; Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang; Điều tra viên; Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố; điều tra viên, kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của

Bộ luật Tố tụng hình sự. Các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của các bị cáo:

Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp lời khai của chính các bị cáo trong quá trình điều tra, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người chứng kiến; phù hợp với biên bản vụ việc, biên bản đầu thú, kết quả thực nghiệm điều tra, kết luận giám định, vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Từ những chứng cứ nêu trên, có đủ cơ sở để kết luận:

Khoảng 22 giờ ngày 01/4/2024, tại khu vực trước cửa quán K thuộc thôn B, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương, Đoàn Văn T1 có hành vi bán trái phép cho Vũ Đình T (là chủ quán) 1 túi ma túy loại Ketamine với số tiền 1.000.000đ. Khoảng 11 giờ 30 phút ngày 04/4/2024, T bán túi ma túy loại Ketamine đã mua của T1 cho Đoàn Ngọc L với số tiền 1.300.000đ, trực tiếp xào ke cho L sử dụng trái phép chất ma túy tại phòng Vip 4 quán Karaoke của quán. Hồi 12 giờ cùng L bị Công an huyện B phối hợp với Công an xã T phát hiện, thu giữ vật chứng. Các bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự; nhận thức rõ tác hại của ma túy và hành vi mua bán và hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật và gây hậu quả nguy hiểm cho xã hội nhưng các bị cáo vẫn thực hiện với lỗi cố ý. Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến chính sách độc quyền của Nhà nước về quản lý chất ma túy, gây mất trật tự an toàn xã hội. Trong vụ án này, Đoàn Văn T1 có hành vi bán trái phép cho Vũ Đình T 01 gói ma túy loại Ketamine; bị cáo Vũ Đình T sau đó đã bán trái phép gói ma túy mua của T1 nêu trên cho Đoàn Ngọc L đồng thời cung cấp công cụ, địa điểm để L sử dụng trái phép chất ma túy tại quán K do T quản lý do đó hành vi của bị cáo T1 thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự và hành vi bị cáo T thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự và tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 255 Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang truy tố các bị cáo về các tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về vị trí, vai trò của các bị cáo: Trong vụ án này, các bị cáo đều thực hiện hành vi phạm tội độc lập và không được xác định là đồng phạm.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về nhân thân: Bị cáo T nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; bị cáo T1 có nhân thân xấu, nhiều lần bị xử phạt vi phạm hành chính (đã được xóa) và có 01 tiền án năm 2016 chưa được xóa án tích.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo T1 có 01 tiền án tại bản án số 40/2016/HSST ngày 16/12/2016 của TAND huyện Bình Giang chưa được xóa án tích nay lại phạm tội do lỗi cố ý nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS. Bị cáo T không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều thú; quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đều thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình nên đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Bị cáo T1 có bố đẻ là ông Đoàn Văn B1 được Nhà nước tặng thưởng Huân chương chiến sĩ giải phóng hạng nhì và Huân chương kháng chiến hạng ba nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[5] Về hình phạt: Căn cứ quy định của Bộ luật hình sự, cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng: Các bị cáo đều nhận thức được tác hại của chất ma túy nhưng vẫn thực hiện hành vi mua bán, tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy thể hiện ý thức coi thường pháp luật do vậy cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn mới đảm bảo tác dụng giáo dục các bị cáo cũng như phòng ngừa chung trong xã hội.

Bị cáo T phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy và tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy nên cần áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55 BLHS tổng hợp hình phạt của cả hai tội theo quy định của pháp luật.

[6] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo T là chủ quán Karaoke nhưng lại tổ chức cho khách sử dụng trái phép chất ma túy nên cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy theo quy định tại khoản 5 Điều 255 Bộ luật hình sự. Bị cáo T1 bán ma túy cho T thu lợi bất chính nên cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo T1 theo quy định tại khoản 5 Điều 251 Bộ luật hình sự.

[7] Về xử lý vật chứng: Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 46; điểm a, b, c khoản 1 Điều 47 BLHS, điểm a, b, c khoản 2 Điều 106 BLTTHS.

+ Đối với 01 tờ tiền 10.000đ thu của Đoàn Ngọc L được sử dụng làm công cụ hút ma túy nên cần tịch thu, sung vào ngân sách nhà nước.

+ Đối với số tiền 1.000.000đ, bị cáo T mua ma túy của bị cáo T1 còn nợ là tiền do phạm tội mà có nên cần truy thu của bị cáo T số tiền nêu trên sung vào ngân sách nhà nước.

+ Đối với số tiền 1.300.000đ là tiền do bị cáo T phạm tội mà có nên cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

+ Đối với 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone XS lắp sim số 0854.281.555 và số 0799.206.001 thu của T và 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 11 Pro lắp sim số 0975.364.844 thu của T1 là công cụ được các bị cáo dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu, phát mại sung quỹ nhà nước đối với 02 chiếc điện thoại và tịch thu, tiêu hủy đối với 03 sim điện thoại di động nêu trên.

+ Đối với 1 đĩa sứ, 1 thẻ nhựa cùng toàn bộ vỏ bao gói mẫu được đựng trong niêm phong số 203/KL-KTHS; 1 cân điện tử và 01 vỏ phong bì trong niêm phong số 206/KL-KTHS; các vỏ túi nilon đựng niêm phong trong thùng bìa carton là công cụ các bị cáo dùng để sử dụng ma túy và là vật không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu, tiêu hủy đối với số vật chứng nêu trên.

[8] Về các vấn đề khác:

- Về nguồn gốc số ma túy: Bị cáo T1 khai mua của người không quen biết ở khu vực huyện A, tỉnh Hưng Yên, quá trình điều tra không xác định được là ai, ở đâu nên không có căn cứ xử lý;

- Chị Q và Ngọc A có mặt tại phòng hát Vip 4 nhưng không sử dụng trái phép chất ma túy và không có hành vi vi phạm pháp luật khác nên không có căn cứ xử lý;

- Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của Đoàn Ngọc L, ngày 25/6/2024 Công an huyện B đã xử phạt Vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền là phù hợp.

[9] Về án phí: Các bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 251; khoản 1, khoản 5 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Vũ Đình T; Khoản 1, khoản 5 Điều 251; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Đoàn Văn T1; Điểm a khoản 1 Điều 46; điểm a, b, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, b, c khoản 2 Điều 106, khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đối với các bị cáo.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Vũ Đình T phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và bị cáo Đoàn Văn T1 phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

2. Về hình phạt chính:

2.1/ Xử phạt bị cáo Vũ Đình T **02 (hai)** năm **05 (năm)** tháng tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và **02 (hai)** năm **03 (ba)** tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt bị cáo T phải chấp hành hình phạt chung là **04 (bốn)** năm **08 (tám)** tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 05/4/2024.

2.2/ Xử phạt bị cáo Đoàn Văn T1 **02 (hai)** năm **08 (tám)** tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, thời hạn tù tính từ ngày 05/4/2024.

3. Về hình phạt bổ sung:

3.1/ Phạt tiền bị cáo Vũ Đình T số tiền 50.000.000đ (*năm mươi triệu đồng*) về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” sung quỹ nhà nước.

3.2/ Phạt tiền bị cáo Đoàn Văn T1 số tiền 5.000.000đ (*năm triệu đồng*) về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” sung quỹ nhà nước.

4. Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu, sung vào ngân sách nhà nước 01 tờ tiền 10.000đ (được niêm phong trong 01 phong bì niêm phong số 162).

- Tịch thu, sung vào ngân sách nhà nước số tiền 1.300.000đ gồm 01 tờ tiền 500.000đ (được niêm phong trong 01 phong bì niêm phong số 162) và 800.000đ nằm trong tài khoản số 1017859896 mang tên Vũ Đình T mở tại Ngân hàng TMCP N3.

- Truy thu, sung vào ngân sách nhà nước số tiền 1.000.000 của bị cáo Vũ Đình T (bị cáo chưa nộp).

Tiếp tục phong tỏa số tiền 1.800.000đ (hủy bỏ việc phong tỏa đối với số tiền còn lại) trong tài khoản số 1017859896 mang tên Vũ Đình T mở tại Ngân hàng TMCP N3 (theo Biên bản phong tỏa tài khoản ngày 22/5/2024 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B và Ngân hàng TMCP N3 - Chi nhánh H1). Việc hủy bỏ phong tỏa tài khoản được thực hiện theo quy định của pháp luật Thi hành án dân sự.

- Tịch thu, phát mại, sung vào ngân sách nhà nước 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro, màu vàng gold thu của Đoàn Văn T1 (đã qua sử dụng) và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Xs, màu vàng gold thu của Vũ Đình T (đã qua sử dụng).

- Tịch thu, tiêu hủy đối với các vật chứng sau:

+ 01 đĩa sứ màu trắng hình tròn, 01 thẻ nhựa màu vàng cam và 01 vỏ túi nilon màu trắng niêm phong mẫu vật gửi đến giám định được niêm phong trong 01 túi giấy niêm phong số 203/KL-KTHS của Phòng K1 Công an tỉnh H;

+ 01 cân điện tử nhãn hiệu DIGITAL SCALE, vỏ màu đen và 01 phong bì ký hiệu M1 niêm phong mẫu vật gửi đến giám định được niêm phong trong 01 bì niêm phong số 206/KL-KTHS của Phòng K1 Công an tỉnh H;

+ 01 thùng bìa carton bên trong có chứa các vỏ túi nilon co kích thước khác nhau.

+ 03 chiếc sim điện thoại gồm: Sim số 0854.281.555; sim số 0799.206.001 gắn trong chiếc điện thoại di động Iphone Xs thu của Vũ Đình T và sim số 0975.364.844 gắn trong chiếc điện thoại di động Iphone 11 Pro thu của Đoàn Văn T1.

(Đặc điểm, tình trạng vật chứng theo Biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan CSĐT – Công an huyện B và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Giang ngày 18 tháng 7 năm 2024).

5. Về án phí: Bị cáo Vũ Đình T và Đoàn Văn T1, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí sơ thẩm hình sự.

6. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Các bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương;
- Công an huyện Bình Giang (HSNV);
- Cơ quan CSĐT - Công an huyện Bình Giang;
- Cơ quan THAHS - CA tỉnh Hải Dương;
- Trại tạm giam – Công an tỉnh Hải Dương;
- Chi cục THADS huyện Bình Giang;
- Sở tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Duy Hải